CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Công nghệ ONE

Ngày 30/09/2025	5,400 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	**1.9%**	**-1.8%**

DT thuần
Q3/25
160
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 91.7| 135%
YoY: ▲ 128| 401%

LN thuần
Q3/25
4.93
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 3.82| 344%
YoY: ▲ 6.27| 468%

LN sau thuế
Q3/25
1.86
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.95| 104%
YoY: ▲ 2.81| 295%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
2.7%
YoY: +/-▲ 0.1%

ROE (TTM)
Q3/25
10.4%
YoY: +/-▲ 2.8%

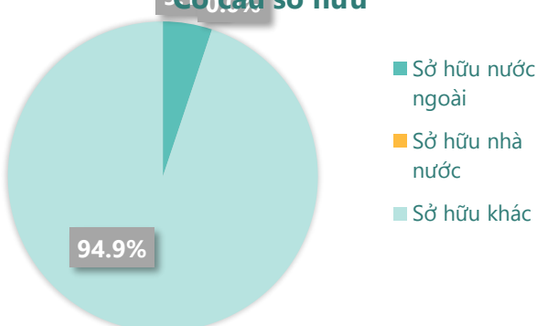
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	4,700 - 6,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	43
Số lượng CPLH (CP)	7,893,658
KLGD BQ 20 phiên (CP)	5,825
Sở hữu nước ngoài	5.1%
Beta	0.72
EPS	1,305
P/E	4.1

DT thuần
9T 2025
264
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 62.0| 30.7%

LN thuần
9T 2025
5.62
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 11.9| 190%

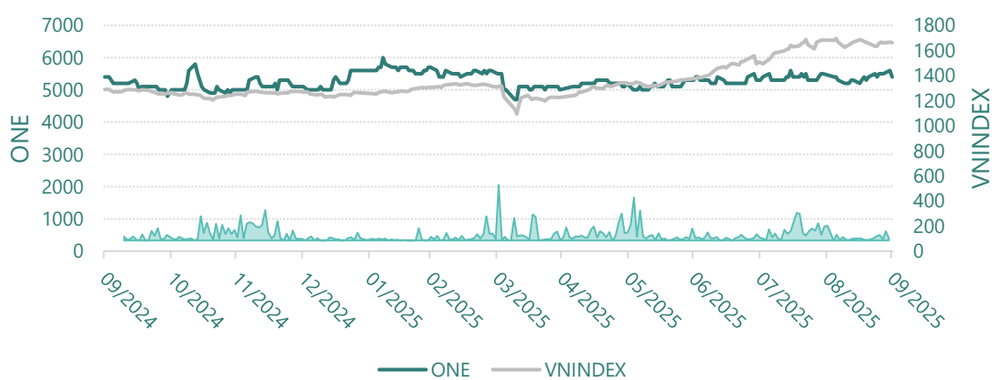
LN sau thuế
9T 2025
2.33
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 8.97| 135%

Cơ cấu sở hữu

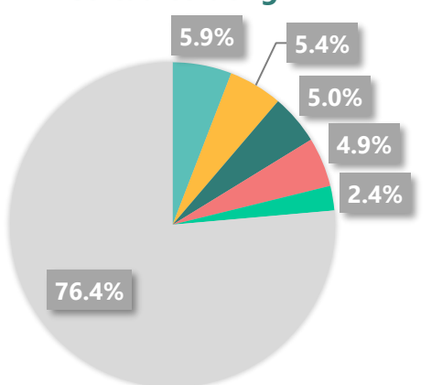


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

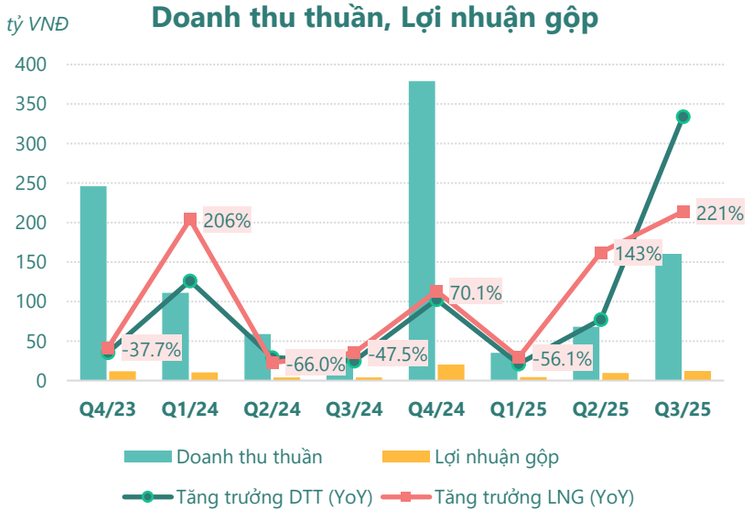




(Nguồn: fireant.vn)

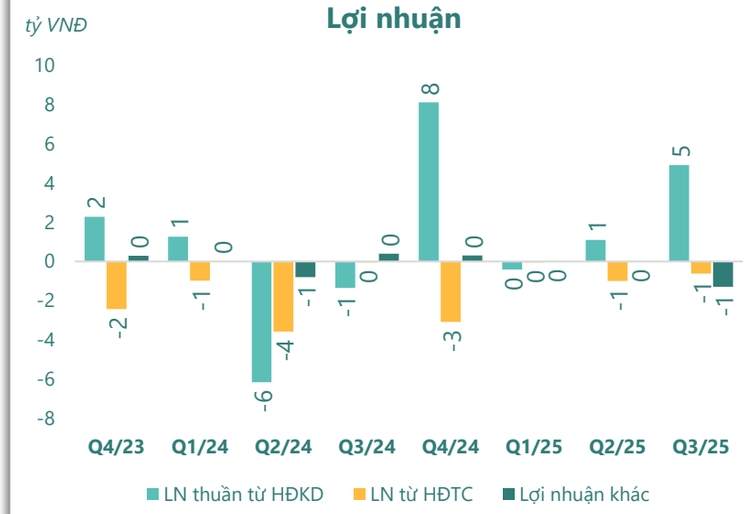
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



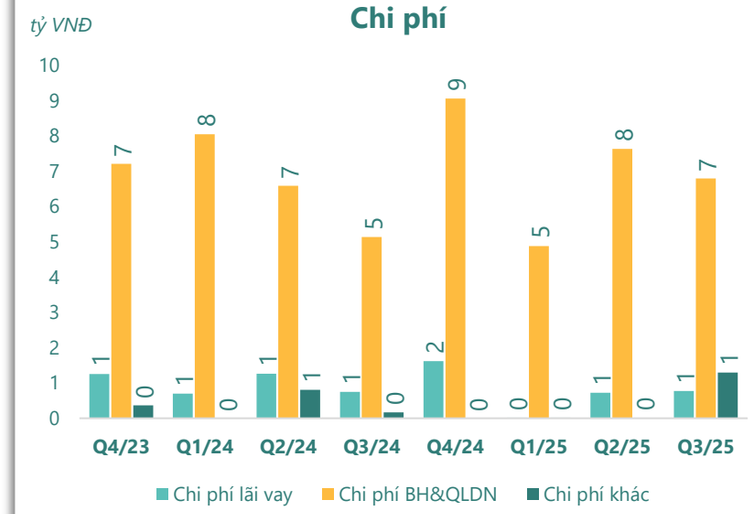
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



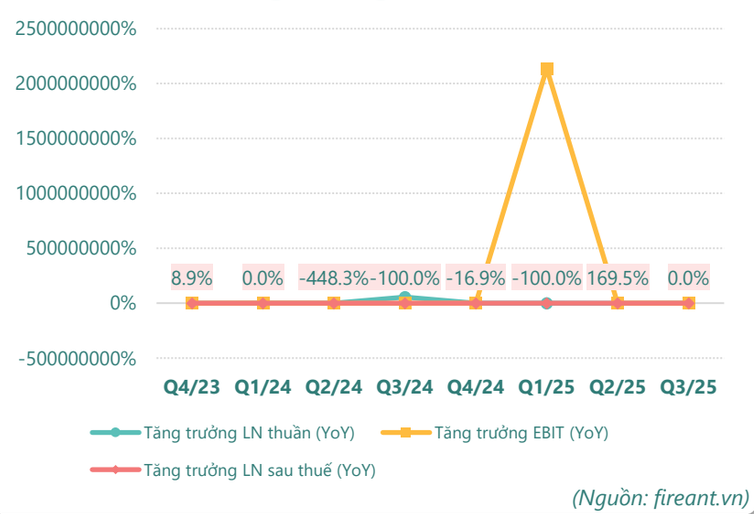
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



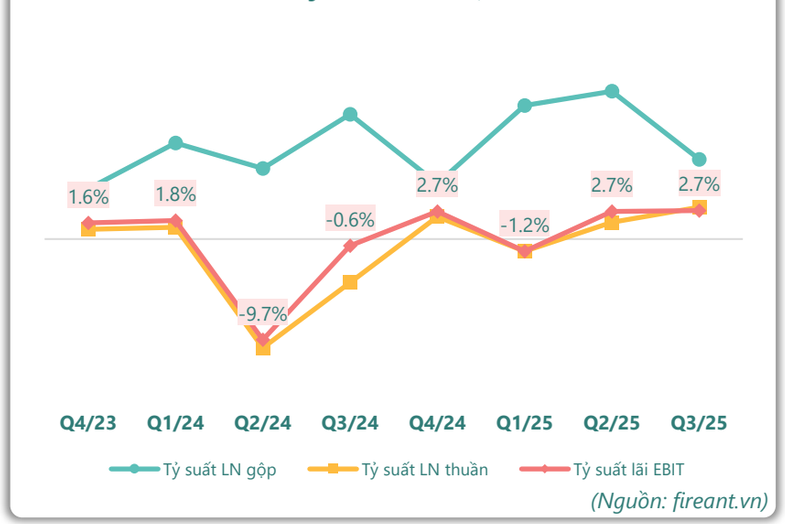
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



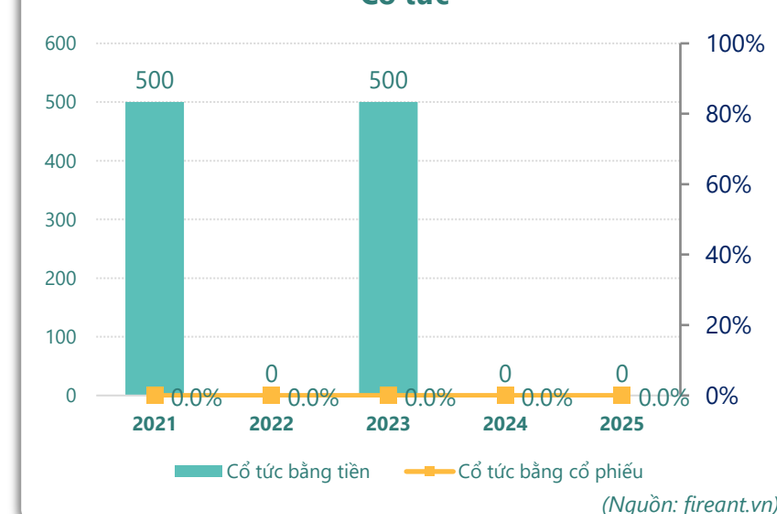
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

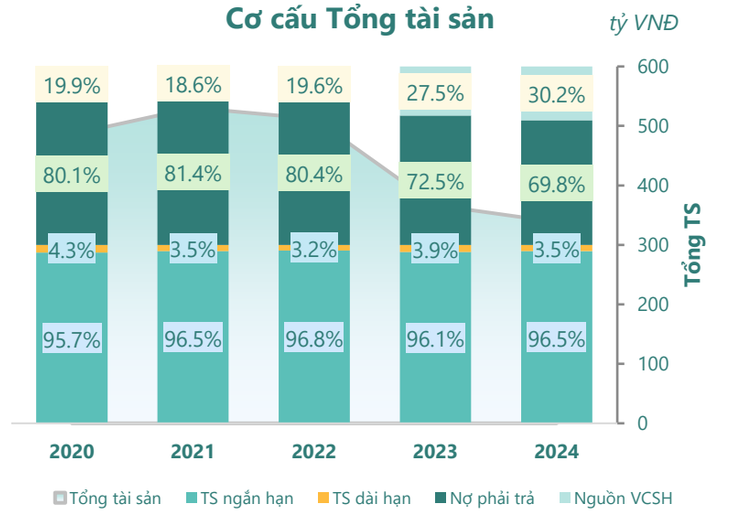
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

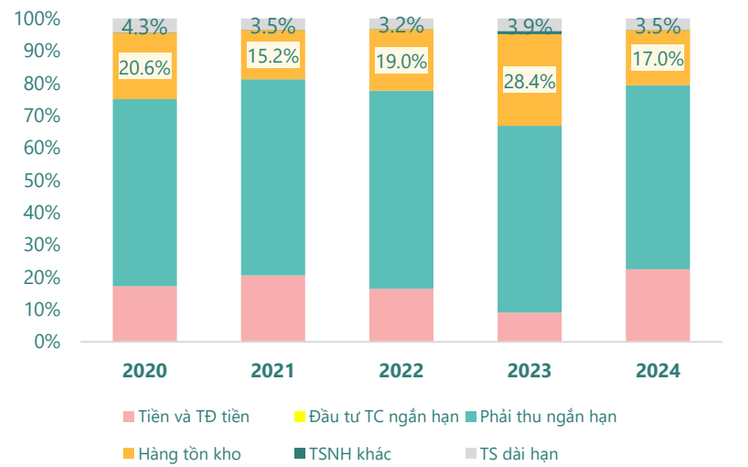
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



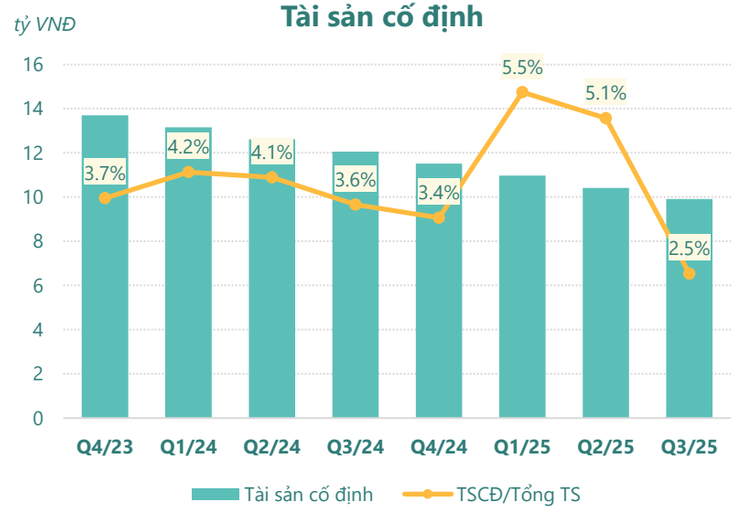
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



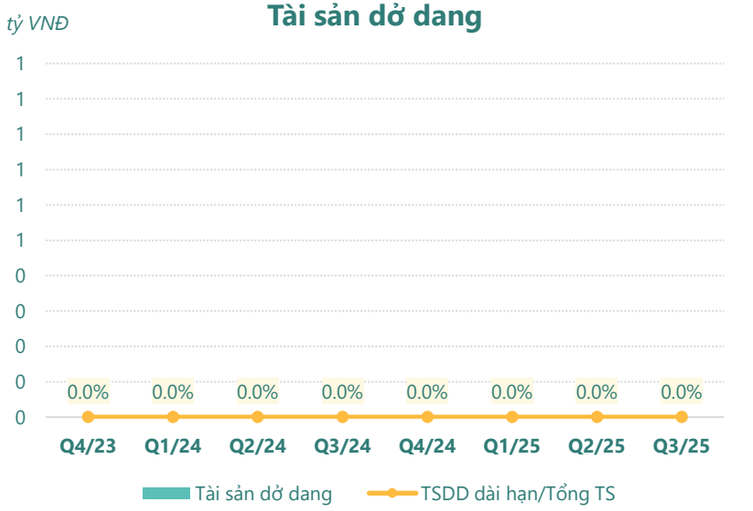
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



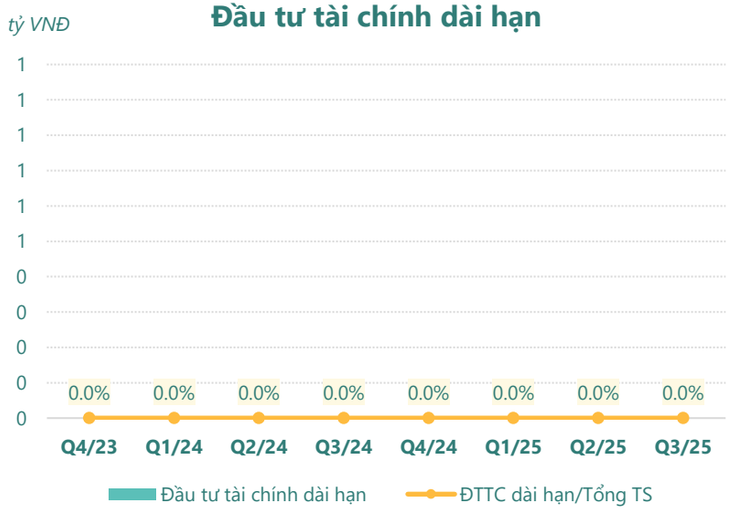
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



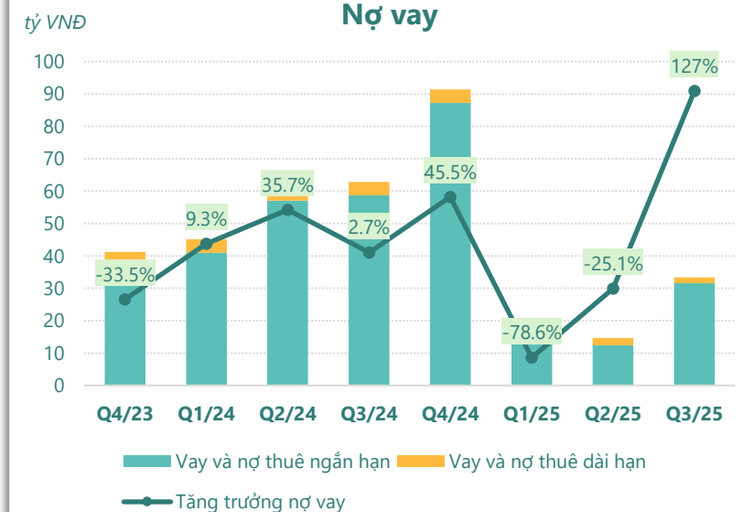
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

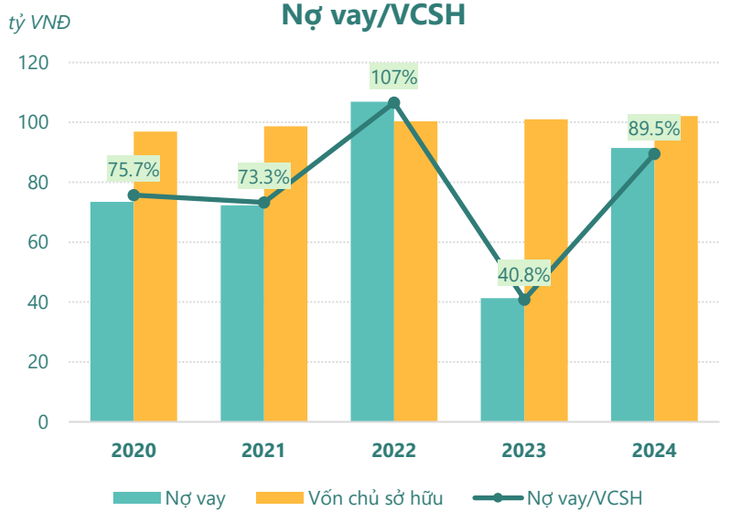
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

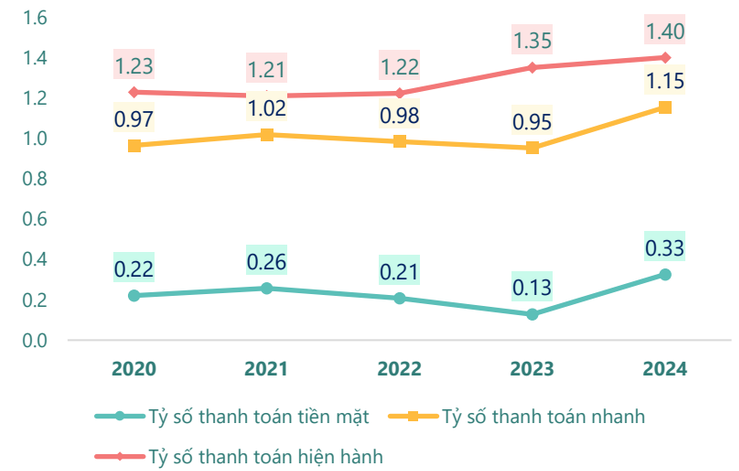
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



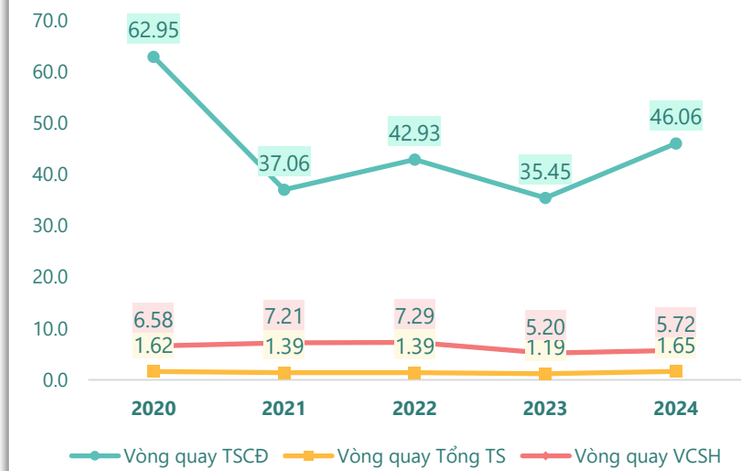
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



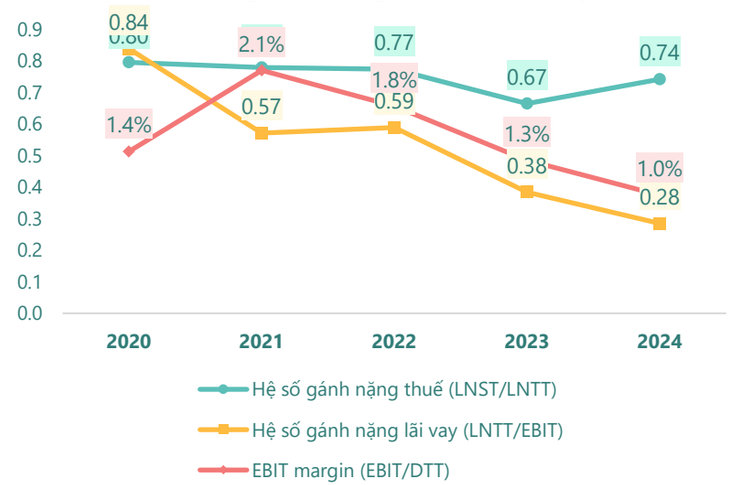
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



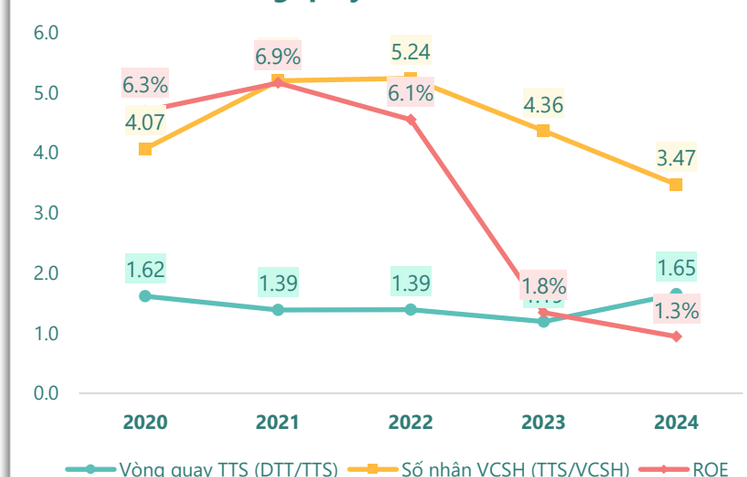
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



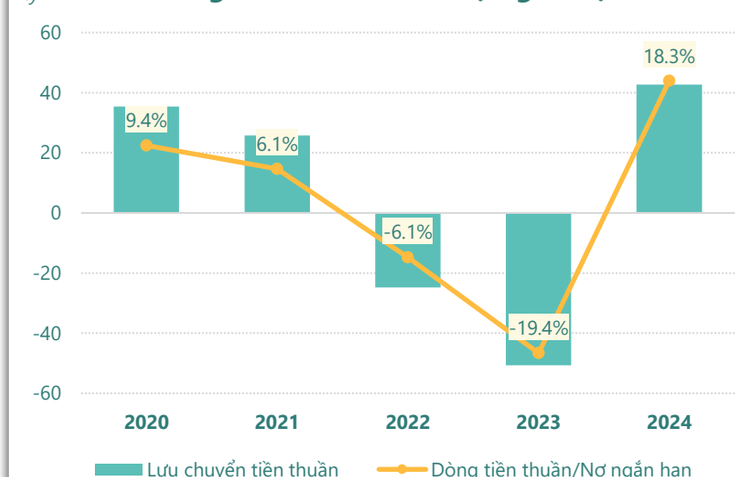
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**160**	**32.0**	**401%**	**264**	**202**	**30.7%**
Giá vốn hàng bán	148	28.1	427%	237	184	29.2%
Lợi nhuận gộp	12.3	3.85	221%	26.6	18.1	46.5%
Doanh thu HĐTC	0.15	0.83	-81.9%	0.35	0.87	-59.9%
Chi phí TC	0.77	0.88	-12.5%	2.00	5.47	-63.5%
Chi phí lãi vay	0.77	0.74	4.0%	1.51	2.70	-44.0%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.46	0.52	-11.4%	1.87	1.71	8.9%
Chi phí QLDN	**6.33**	**4.62**	**37.1%**	**17.4**	**18.1**	**-3.4%**
LN thuần từ HĐKD	4.93	-1.34	468%	5.62	-6.24	190%
Lợi nhuận khác	**-1.29**	**0.39**	**-432%**	**-1.32**	**-0.41**	**-225%**
LN trước thuế	3.63	-0.95	483%	4.30	-6.64	165%
Lợi nhuận sau thuế	**1.86**	**-0.95**	**295%**	**2.33**	**-6.64**	**135%**
LNST của CĐ cty mẹ	**1.86**	**-0.95**	**295%**	**2.33**	**-6.64**	**135%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-5.71	20.4	14.2	23.6	-1.02	24.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0	0	0	0.00	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	16.1	1.64	28.6	-71.8	-4.93	18.7
Tiền đầu kỳ	0.76	11.1	33.2	76.0	27.7	21.8
Lưu chuyển tiền thuần	**10.4**	**22.1**	**42.8**	**-48.3**	**-5.95**	**43.1**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0	0	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	11.1	33.2	76.0	27.7	21.8	64.9

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**404**	**338**	**19.5%**
Tài sản ngắn hạn	394	327	20.7%
Tiền và tương đương tiền	64.9	76.0	-14.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	155	193	-19.5%
Hàng tồn kho	164	57.6	186%
Tài sản ngắn hạn khác	10.0	0.49	1968%
Tài sản dài hạn	**10.1**	**11.7**	**-13.8%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	9.92	11.5	-13.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0.19**	**0.21**	**-11.6%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	300	236	27.0%
Nợ ngắn hạn	**298**	**233**	**28.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	31.6	88.2	-64.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	182	123	48.7%
Nợ dài hạn	1.75	3.19	-45.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	1.75	3.19	-45.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**104**	**102**	**2.2%**
Vốn chủ sở hữu	**104**	**102**	**2.2%**
Vốn điều lệ	79.6	79.6	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)